TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2017
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Đình Nhân

Bà Đinh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2017/TLST–HNGĐ ngày 11/5/2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Thanh L, sinh năm 1967; cư trú tại: Số nhà 23A, thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Phan H, sinh năm 1964; cư trú tại: Số nhà 23A, thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa bà L có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan H kết hôn năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trước khi cưới rất ít. Bản thân bà sống theo cách lễ giáo trong gia đình bên chồng từ năm 1983 đến năm 2000. Trong khoảng thời gian 17 năm sống chung với gia đình nhà chồng, bà chỉ biết làm đúng trách nhiệm của một người con dâu, một người vợ và một người mẹ với 04 đứa con. Về tài chính kinh tế bà hoàn toàn không được nắm giữ, vì đang

sống trong gia đình chồng nên bà phải nghe theo gia đình chồng. Ông Phan H là quí tử của bố mẹ chồng bà nên rất được cưng chiều, trong thời gian sống với bố mẹ chồng, trách nhiệm làm chồng, làm cha của ông H đối với bà và các con đã có mẹ chồng bà đảm nhiệm, nên ông H cứ vô tư mà vui chơi cá cược, bài bạc, bi da. Đã nhiều lần ông H cầm cố xe máy, xe đạp và những tài sản gì có thể cầm được của gia đình để lấy tiền vui chơi theo đam mê, sở thích của bản thân. Ông H không hề nghĩ thương bố mẹ, hay có trách nhiệm với vợ, con. Những lần ông H ham chơi nên vay mượn tiền của những người thân, cầm cố tài sản, mẹ chồng bà vì thương con nên âm thầm gánh chịu mọi hậu quả mà ông H gây ra. Bản thân bà sống phụ thuộc gia đình chồng nên không dám nói. Đến năm 2000, bố mẹ chồng bà cho vợ chồng bà ra ở riêng, vợ chồng bà đến sống tại thôn K'Long, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu ông H tu chí làm ăn cùng bà, nhưng không được bao lâu lại quen đường cũ, ông H đã lợi dụng các khoản tài chính trong việc làm ăn để ăn chơi, giữa vợ chồng bà đã xảy ra xung đột nhiều lần, ông H hứa sẽ sửa sai và xin lỗi bà nên bà đã bỏ qua. Đến năm 2012, con trai bà là Phan Mai S bị tai nạn quá nặng nên phải điều trị ở Bệnh viện Chợ Rẫy ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã không có trách nhiệm lo chăm sóc con mà còn đem chiếc xe máy của nhà đi cầm cố để lấy tiền đánh bài. Sau chuyện này, bà đã chửi mắng ông H, vì vậy ông H đã đánh đập bà, khiến bà phải đi bệnh viện để chữa trị. Sau đó, bà đã làm đơn ly hôn, ông H xin lỗi và bà con, họ hàng khuyên bảo nên bà bỏ qua. Ông H còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Sau thời gian đó, ông H thường xuyên mắng chửi, miệt thị bà. Đến nay, ông H đã có người phụ nữ khác và có niềm vui riêng. Hiện nay, vợ chồng bà vẫn sống chung trong một nhà nhưng không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, phận ai người ấy lo. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phan H.

Về con chung: Bà và ông H có 04 con chung tên là Phan Mai K, sinh năm 1985, Phan Mai Kh, sinh năm 1987, Phan Mai S, sinh năm 1989 và Phan Mai Như N, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung tên K, Kh và N đều đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con chung tên S bị khuyết tật hiện nay đang ở với bà và do bà chăm sóc. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Sang, tại tòa bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các

giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L và ông H được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Mai S; Về cấp dưỡng: Buộc ông H cấp dưỡng nuôi cháu S theo mức phù hợp với quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: không có nên không xem xét.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản Giấy trích lục kết hôn (bản sao); 01 bản Giấy chứng minh nhân dân bà L, ông K (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản giấy khai sinh con chung tên Phan Mai Như N (bản photo), 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 01 bản Giấy xác nhận khuyết tật, 01 bản Sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng và 01 bản Giấy chứng minh nhân dân của ông Phan Mai S (bản sao), 01 bản bản tự khai của bà L; bị đơn ông Phan H không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 02 bản Biên bản xác minh ngày 02/6/2017 (bản chính).

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông H và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông H được biết. Do ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L với bị đơn Phan H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/1988 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ham chơi, nhiều lần mang đồ đạc trong nhà đi cầm cố để

lấy tiền phục vụ cho sở thích của bản thân, ông H không có trách nhiệm với vợ con, khi con trai bà bị tai nạn phải nằm bệnh viện điều trị ông H đã không có trách nhiệm mà còn đem chiếc xe máy của gia đình đi cầm cố lấy tiền đánh bài, ngoài ra ông H còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, mắng chửi, miệt thị và đánh đập bà. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với ông H được nữa, bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Còn ông H không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân với bà L. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Mai Thị Thanh L và ông Phan H, kết quả xác minh cho thấy: Trước đây, vợ chồng ông H, bà L chung sống với nhau tại địa phương có xảy ra cãi vã, xô xát, tuy nhiên không có ai trình báo gì với chính quyền địa phương; vợ chồng ông H, bà L có 01 người con trai tên Phan Mai S bị khuyết tật do bị tai nạn, hiện nay anh S đang sống cùng với bà L và ông H nhưng chủ yếu là do bà L chăm sóc; ông H làm việc trong sân Gold tại xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương nên không thường xuyên có mặt ở nhà vào ban ngày (BL 22, 23). Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Thanh L và ông Phan H đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, tại phiên tòa bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, còn ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không đến Tòa án, cũng không có có ý kiến gì về mối quan hệ hôn nhân với bà L nên quan hệ hôn nhân của bà L với ông H không thể hàn gắn được, hiện nay ông bà đã không còn quan tâm, chia sẻ và có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà L và ông H có 04 con chung tên là Phan Mai K, sinh năm 1985; Phan Mai Kh, sinh năm 1987; Phan Mai S, sinh năm 1989 và Phan Mai Như N, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung tên K, Kh và N đều đã thành niên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Phan Mai S bị khuyết tật hiện nay đang ở với bà L và do bà L chăm sóc, bà L yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Sang. Xét thấy, vào năm 2012 con chung của bà L và ông H là Phan Mai S bị tai nạn giao thông, gẫy hai đốt sống lưng, đứt tủy sống lưng, bị liệt từ nửa thân người trở xuống, trong thời gian điều trị do nằm một chỗ quá lâu nên bị hoại tử phải tháo một bên chân nên việc vệ sinh cá nhân, sinh hoạt hằng ngày đều phải phụ thuộc vào người khác. Hiện nay, bà L là người trực tiếp nuôi con chung, nên cần tiếp tục giao con chung tên Phan Mai S cho bà L chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi Phan Mai S 2.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017. Xét thấy, con chung của bà L và ông H mặc dù đã thành niên nhưng bị khuyết tật, hàng tháng được nhận trợ cấp xã hội số tiền 405.000 đồng, tuy nhiên việc chăm sóc sức khỏe, chăm sóc y tế, tái khám bệnh định kỳ đối với Phan Mai S đều do bà L chu cấp, do đó việc bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng cho Phan Mai S 2.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp.

Về tài sản chung: Bà L và ông H tự thỏa thuận, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông H không không có nợ chung, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông H phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 110, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Thanh L, xử cho bà Mai Thị Thanh L và ông Phan H được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Mai S, sinh năm 1989 cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Phan H phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Mai S, sinh năm 1989 số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 đến ngày con chung có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Mai Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0006514 ngày 11/5/2017 được chuyển thu.

Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Hiệp Thạnh, huyện Đ;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm